TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2024/HC-PT

Ngày: 24-9-2024

V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh-** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 150/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1790/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị S - sinh năm 1941. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú yên; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà Trần Thị Như T, có mặt và ông Trần Ngọc Q, vắng mặt - Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh P.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Quốc T1 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh P. Người đại diện theo ủy quyền có bà Hồ Thị Nguyên T2- Phó chủ tịch UBND tỉnh P, có Đơn xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc T1 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P; vắng mặt.

+ Ông Đặng Văn K – sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

+ Bà Đặng Thị H1 – sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

+ Vợ chồng bà Võ Thị N, sinh năm 1966, ông Đặng Văn K1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Thu X, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Hộ gia đình bà **Lê Thị S** bị nhà nước thu hồi đất, các tài sản khác trên đất đối với diện tích 41,3m^2 do ảnh hưởng dự án: Cải tạo nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B tại thôn Đ, xã H, huyện P**.

Gia đình bà **S** và các hộ dân bị ảnh hưởng dự án được **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** tổ chức hội thảo để đưa ra phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

Tại buổi hội thảo, các cơ quan chức năng đưa ra phương án:

- Đối với diện tích đất ở có sổ đỏ thì được bồi thường với giá 12.099.000 đồng/m^2.

- Đối với diện tích đất vườn, ngoài sổ đỏ thì được bồi thường với giá 3.750.000 đồng/m^2 (50% của 7.500.000 đồng);

Qua nhiều lần hội thảo, **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** đã vận động bà và các hộ dân bị ảnh hưởng nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với đất vườn là 3.750.000 đồng/m^2. Vì nếu bây giờ bà và các hộ bị ảnh hưởng không nhận theo mức giá này thì có thể mức giá này sẽ giảm và còn cam kết những hộ nào nhận sau chỉ có nhận mức bằng hoặc thấp hơn, không có tình trạng hộ sau nhận cao hơn hộ trước với bất cứ lý do gì. Nếu có trường hợp nào nhận tiền bồi thường hỗ trợ cao hơn thì bà được nhận bổ sung đối với mức tiền chênh lệch.

Theo Quyết định chi trả tiền số 6088/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của **UBND huyện P**, thì bà **Lê Thị S** được bồi thường đất với giá 3.750.000 đồng/m^2 (50% của mức 7.500.000 đồng) đối với diện tích 41,3m^2tổng số tiền là 154.875.000 đồng.

Tuy nhiên, những hộ không chịu hợp tác ở giai đoạn đầu lại được **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** giải quyết theo phương án bồi thường, hỗ trợ giá đất vườn hơn 8.000.000 đồng/m^2 là chênh lệch rất nhiều so với mức giá đã giải quyết ở giai đoạn đầu.

Bà **S** và các hộ dân bị ảnh hưởng dự án đã nhận tiền ở giai đoạn đầu, khiếu nại đến **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** về việc yêu cầu giải quyết đền bù bổ sung.

Ngày 22/9/2021 bà và các hộ dân nhận được Giấy mời của **UBND huyện P** mời giải quyết khiếu nại vào ngày 24/9/2021. Tại buổi làm việc, cán bộ hứa hẹn sẽ giải quyết nhưng không giải quyết. Đến nay bà chưa được **UBND huyện P** khiếu nại.

Việc **UBND huyện P**, Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện P**, **UBND xã H** đưa ra nhiều mức bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất vườn bị thu hồi do ảnh hưởng dự án Cải tạo, nâng cấp **Quốc lộ B** là không đúng. Bà **S** được nhận mức bồi thường thấp hơn (bằng ½) mức bồi thường của những hộ nhận sau là thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Bà **Lê Thị S** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6088/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện P "Về việc Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (Đoạn qua xã H - Đ)".
- Hủy Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P "V/v Thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ);

- Hủy một phần Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P "V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ)" đối với phần bà Lê Thị S.
- Buộc UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 41,3m^2 với mức giá là 12.099.000 đồng/m^2 theo bảng giá bồi thường đất ở của UBND tỉnh P. Nếu không bồi thường theo giá đất ở thì bồi thường bằng diện tích đất vượt hạn mức và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.
- Tăng bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật.

Tại các văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện **UBND huyện P** *và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất* **huyện P** *thống nhất trình bày:*

Theo Thông báo thu hồi đất số 482/TB-UBND ngày 29/5/2020 của **UBND huyện P** về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên**. Nội dung: Thu hồi đất của bà **Lê Thị S** tại số thửa 221, tờ bản đồ 303A, diện tích thu hồi 41,3m^2.

Tại Công văn số 665/UBND ngày 01/10/2020 của UBND xã H xác nhận hộ bà Lê Thị S, Đặng Thị H1, Đặng Văn K1, Phạm Thị Thu X đang sử dụng đất tại số thửa 221, tờ bản đồ 303A, diện tích thu hồi 218,5m^2, loại đất BHK, trong đó diện tích bà S đang sử dụng là 41,3m^2.

Trên cơ sở đó, UBND huyện P ban hành các quyết định sau:

Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P về việc Thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (Đoạn qua xã H - Đ). Nội dung bà Lê Thị S bị thu tại số thửa 221, tờ bản đồ 303A, diện tích thu hồi 41,3m^2 loại đất BHK.

Đồng thời UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (Đoạn qua xã H - Đ). Nội dung tại quyết định này bà Lê Thị S được bồi thường đất và tài sản trên đất với số tiền 170.936.639 đồng.

Việc bà Lê Thị S yêu cầu UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ bổ sung với mức giá 12.099.000đ/m^2 đối với toàn bộ diện tích thu hồi là 41,3m^2 số tiền phải bồi thường thêm là 344.813.700 đồng và tăng bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật là không có cơ sở.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND tỉnh P, *bà* Đặng Thị H1, *vợ chồng ông* Đặng Văn K1, *bà* Võ Thị N, *bà* Phạm Thị Xuân T3: Không có văn bản trình bày ý kiến.

+ *Trung tâm phát triển quỹ đất và* UBND xã H *trình bày:* Thống nhất nội dung và quan điểm giải quyết của UBND huyện P.

+ *Ông* Đặng Văn K *trình bày:* Thống nhất nội dung người khởi kiện trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên nội dung, quan điểm đã trình bày; đề nghị chuyển hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét giải quyết vì có dấu hiệu vi phạm theo quy định tại Điều 230 Bộ luật hình sự năm 2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 và Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 114 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 25 của Quyết định 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của **UBND tỉnh P**; Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của **UBND tỉnh P** "V/v Phê duyệt giá đất cụ thể (Phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên **Quốc lộ B**, đoạn qua **xã H và thị trấn P, huyện P**"; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6088/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện P "Về việc Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (Đoạn qua xã H - Đ)".

- Hủy Quyết định số 6043/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P "V/v Thu hồi đất để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ);
- Hủy một phần Quyết định số 6034/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện P "V/v Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, xã H và thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên (đoạn qua xã H - Đ)" đối với phần bà Lê Thị S.
- Buộc UBND huyện P bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 41,3m^2 với mức giá là 12.099.000 đồng/m^2 theo bảng giá bồi thường đất ở của UBND tỉnh P. Nếu không bồi thường theo giá đất ở thì bồi thường bằng diện tích đất vượt hạn mức và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.

  Vì không có căn cứ pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu T4 bồi thường, hỗ trợ các khoản khác theo quy định pháp luật. Vì người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/12/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Lê Thị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị sửa Bản án sở thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Lê Thị S thống nhất với quan điểm của người bảo vệ cho bà S đã trình bày.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người liên quan UBND tỉnh P và UBND huyện P, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P, UBND xã H đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Tòa án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật, người khởi kiện bà S kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị S, thấy:

[1.1] Nguồn gốc diện tích đất bà Lê Thị S khiếu kiện: Theo bản đồ đo đạc năm 1993 thì diện tích đất bà S đang khiếu kiện thuộc thửa đất số 221, tổng diện tích là 745m^2. Sổ mục kê lập năm 1998 (tại trang số 119) thì thửa đất 221 thể hiện: Tên sử dụng đất là Đặng T5 (chồng của bà Lê Thị S), đất thổ 200m^2, quy hoạch thổ145m^2 và vườn quy hoạch giao thông 400m^2. Khi thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, thì trên thửa đất này có 04 hộ đang sử dụng là Đặng Thị H1, Lê Thị S, Đặng Văn K1 và Phạm Thị Xuân T3. Diện tích thu hồi thửa 221, tờ bản đồ số 303A là 218,5m^2, trong đó phần diện tích đất bà S đang sử dụng bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng là 41,3m^2. Theo Biên bản kiểm kê ngày 16/09/2020 thể hiện: Đất vườn cùng thửa đất có nhà ở, diện tích 41,3m^2, thửa đất số 221, tờ bản đồ số 303A. Ông Đặng Văn K xác định tại thời điểm kiểm kê đất đai, tài sản; đo đạc hiện trạng thửa đất có sự tham gia của bà Lê Thị S, ông Đặng Văn K (con ruột bà S) và ông K là người đại diện ký vào biên bản kiểm kê, phiếu xác nhận này và không có ý kiến khiếu nại gì. Ngày 14/12/2020, UBND huyện P ban hành Quyết định số 6043/QĐ-UBND thu hồi 41,3m^2 đất của bà Lê Thị S tại thửa số 221, tờ bản đồ số 303A và ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 6034/QĐ-UBND. Theo đó bà S được bồi thường đất, tài sản trên đất và hỗ trợ với tổng số tiền 170.936.639 đồng.

[1.2] Ngày 27/04/2021, ông **Đặng Văn K** (người được bà **Lê Thị S** ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11/01/2021) đã ký và nhận số tiền trên, đồng thời có cam đoan như sau "*Vậy tôi viết giấy này để làm chứng từ và xin cam đoan giải tỏa đúng thời gian quy định là 20 ngày đối với cây cối hoa màu, nhà ở vật kiến trúc, mồ mả và không được xây dựng, sản xuất hoa màu, trồng cây kể từ khi nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị ảnh hưởng công trình nêu trên. Đồng thời mọi khiếu nại sau này có liên quan đến khối lượng tài sản, mồ mả, đất đai được bồi thường mà tôi nhận tiền, tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật*". Căn cứ khoản 1 Điều 114 Luật đất đai 2013 ngày 20/12/2019 **UBND tỉnh P** ban hành Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND "*Về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh 05 năm (2020 – 2024)*" thì vị trí diện tích đất bà **Lê Thị S** đang khởi kiện thuộc vị trí 1, **Đ** từ ranh giới **thành phố T** đến phía Đông Dự án **A** (thuộc phía Nam **Quốc lộ B**). Khoản 2 Điều 25 Quyết định 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của **UBND tỉnh P** quy định "*a) Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở nhưng không được công nhận là đất ở thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất vườn, ao còn được hỗ trợ bằng tiền như sau:*

- Diện tích được hỗ trợ không quá 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND Tỉnh hiện hành.

- Mức hỗ trợ được tính bằng 50% giá đất ở cùng vị trí với thửa đất vườn, ao bị thu hồi theo giá đất trong Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh hiện hành".

[1.3] Tổng diện tích đất bị ảnh hưởng thu hồi của bà Lê Thị S 41,3m^2 nằm trong diện tích 218,5m^2 bị thu hồi của thửa đất 221, tờ bản đồ 303A. Diện tích 218,5m^2 đất này không nằm trong diện tích 250m^2 đất ở tại thửa 221, tờ bản đồ số 303A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chồng bà S (ông Đặng T5). Đồng thời diện tích 41,3m^2 bà S đang khiếu kiện cũng không nằm trong diện tích 82m^2 đất ở mà bà Lê Thị S đã tặng cho anh Đặng Đại V (con của ông K, cháu nội của bà Lê Thị S) (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 807608 cấp ngày 09/7/2019) nhưng nằm trong cùng thửa có nhà ở. UBND huyện P căn cứ Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh P "*V/v Phê duyệt giá đất cụ thể (Phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ B, đoạn qua xã H và thị trấn P, huyện P*" (Giá đất do UBND tỉnh P quyết định tại Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh P là 7.500.000đồng/m^2 đất ở và 40.000đ/m^2 đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở) đồng thời áp dụng khoản 2 Điều 25 Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị S là có căn cứ phù hợp quy định của UBND tỉnh P.

[2] Tòa án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S là có căn cứ đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà Lê Thị S kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới khác, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị S giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Bà Lê Thị S là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị S và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 71/2023/HC-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Về án phí: Bà Lê Thị S được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Tuấn